

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 229/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2025

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Tất Thê

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:**
Bà [Dương Thị Thanh H](#) - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 172/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 164/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị [Lê Bảo U](#), sinh năm: 2002; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: [TDP T, phường A, thành phố Đ \(nay là phường L - Đ\), tỉnh Lâm Đồng](#); (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh [Nguyễn Tiến Đ](#), sinh năm: 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: [thôn L, xã C, huyện C \(nay là xã T\), tỉnh Hà Tĩnh](#); Hiện đang lao động tự do tại Nhật Bản. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị [Lê Bảo U](#) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị [Lê Bảo U](#) và anh [Nguyễn Tiến Đ](#) kết hôn trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2022 tại [Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh](#). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa phương nhưng chỉ hạnh phúc được vài tháng đầu. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan

điểm, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp với nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn nhưng không được. Từ năm 2022, chị [U](#) về nhà mẹ đẻ sinh sống còn anh [Đ](#) đi xuất khẩu lao động, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị [Lê Bảo U](#) làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh [Nguyễn Tiến Đ](#).

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, bị đơn anh [Nguyễn Tiến Đ](#) đang lao động tự do tại Nhật Bản, không có địa chỉ cụ thể. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thông qua người thân của anh [Đ](#) nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của anh [Đ](#). Tòa án đã tiến hành đăng tin trên kênh của Ban Đối ngoại (VOV5) [Đ1](#) trong ba ngày liên tiếp 14, 15, 16/7/2025 để thông báo cho anh [Nguyễn Tiến Đ](#) có mặt tại Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên hết thời hạn được thông báo, anh [Đ](#) không có mặt tại Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Tại Biên bản lấy lời khai của bà [Nguyễn Thị H1](#) (mẹ đẻ của anh [Nguyễn Tiến Đ](#)), bà [H1](#) có nội dung trình bày: Hiện nay gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh [Đ](#) tại Nhật Bản nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Anh [Đ](#) thường liên hệ về nhà và đã biết việc chị [U](#) khởi kiện xin ly hôn. Tuy nhiên anh [Đ](#) trao đổi việc ly hôn là tùy chị [U](#), anh [Đ](#) không về nước để giải quyết. Ngoài ra, bà [H1](#) sẽ tự nguyện thay anh [Đ](#) thực hiện việc giao nhận các tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại kịp thời nội dung các văn bản cho anh [Đ](#) được biết.

Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã T, đại diện Ủy ban cho biết: Chị [Lê Bảo U](#) và anh [Nguyễn Tiến Đ](#) có đăng ký kết hôn tại địa phương. Quá trình chung sống, việc vợ chồng có mâu thuẫn gì hay không thì Ủy ban nhân dân xã T không nắm được vì vợ chồng không có báo cáo gì với chính quyền địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: Áp dụng Điều 51, 56, 57, 123 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 464, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 10 Nghị Quyết 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ án hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu miễn giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí, giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị [Lê Bảo U](#) được ly hôn anh [Nguyễn Tiến Đ](#).

Về con chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Bảo U và anh Nguyễn Tiến Đ đăng ký kết hôn ngày 14/01/2022 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C (nay là xã T), tỉnh Hà Tĩnh. Nay chị Lê Bảo U khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Đ. Tại công văn cung cấp thông tin xuất nhập cảnh số 1017/QLXNC-Đ1 ngày 31/7/2025 của Phòng Q – Công an tỉnh H, xác nhận: Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 05/12/1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã T, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 17/5/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ các Điều 28, 37, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; nội dung khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Bảo U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ hiện đang sinh sống, lao động tự do tại Nhật Bản, không cung cấp được địa chỉ và thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Mặc dù đã được Tòa án thông báo làm việc, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ không có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị U, anh Đ theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Bảo U và anh Nguyễn Tiến Đ tự do tìm hiểu, kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2022, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện C (nay là xã T), tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của chị U và anh Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa phương nhưng chỉ hạnh phúc được vài tháng đầu. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp với nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn nhưng không được. Từ năm 2022, chị U về nhà mẹ đẻ sinh sống còn anh Đ đi xuất khẩu lao động, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Bảo U làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Tiến Đ. Bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt các thông báo, quyết định và đăng tin thông báo theo quy định của pháp luật nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị U và anh Đ là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng. Vợ chồng kết hôn được một thời gian ngắn thì ly thân cho tới nay, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Lê Bảo U được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ.

[2.2] *Về con chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm; nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 464, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Bảo U được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Đ.

2. Về án phí: Chị Lê Bảo U phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000271 ngày 11/6/2025 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hồng

Nguyễn Tất Thế

Trương Thị Lệ Thu

